

Số: 651/KH-THBK

Bình Khê, ngày 24 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

Căn cứ Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 và Công văn số 2778/SGDĐT-KHTC ngày 05/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021;

Căn cứ Công văn số 9233/CTQNI-NVDTTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh về chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở Giáo dục công lập;

Căn cứ Công văn số 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 3328/UBND-GD ngày 18/10/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ biên bản họp đề xuất xuất tổ chức các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học 2024-2025 của tập thể CBGVNV nhà trường, của Hội đồng trường và toàn thể Cha mẹ học sinh các lớp;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường Tiểu học Bình Khê xây dựng kế hoạch triển khai nội dung, mức thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục chăm sóc giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

I. Đặc điểm tình hình nhà trường:

1. Quy mô trường lớp:

- Tổng số lớp: 30; Tổng số học sinh: 954 Trong đó có 12 học sinh KT, 02 học sinh hộ CN, học sinh có hoàn cảnh khó khăn: 32 học sinh;

- Bình quân là 32 học sinh/1 lớp. Trong đó:

+ Khối 1: 6 lớp = 197 học sinh.

+ Khối 2: 6 lớp = 189 học sinh.

+ Khối 3: 5 lớp = 173 học sinh.

+ Khối 4: 7 lớp = 195 học sinh.

+ Khối 5: 6 lớp = 200 học sinh.

2. Đội ngũ:

- Tổng số CBGV, NV: 49 người; Trong đó:

+ Quản lý: 03 người.

+ G.viên: 50 người gồm 37 văn hóa + 13 bộ môn.

+ Nhân viên: 09 người gồm 01 kế toán + 02 nhân viên HC + 04 bảo vệ + 02 lao công.

- Trình độ CBGV,NV biên chế: Đại học: 48/49 người =97,96%+Cao đẳng:01/49 người = 2,04%.

3. Thuận lợi:

- Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT thị xã, của Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Khê, sự phối kết hợp kịp thời của các ban ngành đoàn thể trong và ngoài nhà trường.

- Trường có bề dày truyền thống về “Dạy tốt – Học tốt – Kỷ luật tốt”.

- Hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV) trong trường có tinh thần đoàn kết, gắn bó, luôn có ý thức trong việc giữ gìn uy tín nhà trường: Đội ngũ giáo viên có tay nghề vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, trách nhiệm trong công việc, có ý thức vươn lên trong chuyên môn, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác chủ nhiệm. Công tác phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể, các bộ phận khá đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo được sự thống nhất trong quá trình hoạt động.

- Cơ sở vật chất (CSVC) về cơ bản đủ để đáp ứng cho công tác giảng dạy và học tập, có một số trang thiết bị đáp ứng với yêu cầu đổi mới trong quản lý, đổi mới trong giảng dạy và học tập. Trường có đủ đồ dùng giảng dạy; thư viện thiết bị phục vụ tốt trong dạy và học, có đủ CSVC để đáp ứng điều kiện dạy học 2 buổi/ ngày.

- Được sự tin nhiệm phụ huynh, đặc biệt là sự phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc chăm lo cho học sinh.

- Nhu cầu giáo dục chất lượng cao ngày càng tăng.

4. Khó khăn:

- Còn nhiều khó khăn về tài chính và điều kiện để thực thực hiện tăng cường cơ sở vật chất trường học.

- Luôn phải rút kinh nghiệm trong từng bước đổi mới để đáp ứng sự đổi mới của giáo dục theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

- Trình độ chuyên môn giáo viên, năng lực giảng dạy, cách giải quyết vấn đề về tâm lý lứa tuổi học sinh của giáo viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và của xã hội

- Yêu cầu về ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, công nhân viên ngày càng cao...

- Một số CMHS còn chưa quan tâm đến việc học tập của con em, còn phó mặc cho nhà trường; một số học sinh con gia đình cha mẹ bỏ nhau, mồ côi ở với ông bà già yếu, một số học sinh thuộc gia đình có điều kiện kinh tế còn khó khăn; trường có nhiều học sinh khuyết tật học hòa nhập (12 em), một số học sinh có biểu hiện khuyết tật nhưng gia đình không chấp nhận, không phối hợp với giáo viên để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

- Thiếu phòng học bộ môn (phòng học giáo dục nghệ thuật, phòng học ngoại ngữ, phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập còn học chung với phòng học thông thường; Điểm trường trung tâm chưa có sân thể chất.

- Công tác vận động kinh phí XHH để hỗ trợ nhà trường tăng cường cơ sở vật chất còn hạn chế.

- Trường có nhiều lớp, nhiều học sinh; có điểm trường lẻ, khó khăn cho công tác tổ chức các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và công tác quản lí.

II. Mục đích, yêu cầu

- Thực hiện đúng ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND thị xã Đông Triều về tăng cường công tác quản lý thu chi đầu năm học, tránh tình trạng lạm thu và thu sai quy định.

- Các khoản thu chi phải thực hiện đúng quy định của nhà nước đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên địa bàn.

- Mức thu căn cứ trên cơ sở dự toán chi, nội dung chi và phải được thỏa thuận bằng văn bản của cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của Ban giám hiệu nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên.

- Năm học 2024 - 2025 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của HĐND tỉnh và các Hướng dẫn từ các cấp. Các khoản thu năm học 2024 - 2025 là các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài mục chi cho con người, điện nước, cơ sở vật chất còn phải chi phí hóa đơn điện tử các khoản thu dịch vụ và nộp thuế 5% thuế TNDN, 5% Thuế GTGT theo quy định trên tổng chi dịch vụ.

II. Mục đích, yêu cầu

- Thực hiện đúng chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, UBND thị xã Đông Triều, phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về công tác quản lý thu chi đầu năm học, tránh tình trạng lạm thu và thu sai quy định.

- Triển khai đến tất cả PHHS nắm rõ các khoản thu, các hình thức thu và công khai đến cha mẹ học sinh, người học các khoản thu - chi đầu năm học để có sự đồng thuận nhất trí cao trong phụ huynh và phối hợp tốt với nhà trường trong việc thực hiện.

- Công khai đến cha mẹ học sinh, người học các khoản thu - chi đầu năm học để có sự đồng thuận nhất trí cao trong phụ huynh.

- Các khoản thu chi phải thực hiện đảm bảo đúng quy định của nhà nước, đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, đúng mục đích, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội trên địa bàn và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Mức thu trên cơ sở dự toán chi, nội dung chi phải được thỏa thuận bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện giữa cha mẹ học sinh với Ban giám hiệu nhà trường và được phê duyệt của cơ quan quản lý cấp trên.

III. Nội dung triển khai thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt

- Nội dung triển khai:

- Nội dung triển khai: Nhà trường triển khai các công văn, hướng dẫn của các cấp: Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND; Hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2778/SGDĐT-KHTC ngày 05/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021; Công văn số 9233/CTQNI-NVDTTPC ngày 09/10/2024 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh về chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở Giáo dục công lập; Công văn số 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025; Công văn số 3328/UBND-GD ngày 18/10/2024 của UBND thị xã Đông Triều về việc triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

- Hình thức triển khai: Thông qua cuộc họp Hội đồng nhà trường, cuộc họp Ban đại diện CMHS trường, CMHS các lớp.

2. Lập dự toán các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Căn cứ tình hình thực tế của trường, số lượng học sinh đăng ký dịch vụ Nước uống, trông giữ phương tiện tham gia giao thông, tiền điện điều hòa lớp

học. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, lập dự toán các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo NQ số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 và Hướng dẫn số 2593/SGD&ĐT ngày 19/9/2023 (*Có dự toán chi tiết đính kèm*).

3. Triển khai thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (Quy trình, trình tự các bước thực hiện thống nhất các khoản thu dịch vụ)

- Lập dự toán kinh phí các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.
- Lập kế hoạch triển khai thực hiện.
- Lập Tờ trình các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tới các cấp phê duyệt.
- Các hồ sơ khác liên quan
- Vào đầu năm học, nhà trường phổ biến tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh Nghị quyết 34 và hướng dẫn thực hiện của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- Căn cứ tình hình thực tế và kết quả thực hiện của năm học trước, tổ chức họp tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, họp Hội đồng trường, họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường để thống nhất việc đề xuất tổ chức các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học, thống nhất chủ trương và kế hoạch triển khai thực hiện (trong đó nêu rõ mục đích của dịch vụ, hình thức và biện pháp triển khai, thời gian thực hiện, sản phẩm được thụ hưởng ...), dự kiến số học sinh tham gia.
- Lập dự toán chi: Căn cứ số học sinh dự kiến tham gia dịch vụ, lập dự toán chi cho từng dịch vụ, phải đảm bảo tỷ lệ chi, không được thêm nội dung chi, không được tăng mức chi vượt quy định; tính toán mức thu dự kiến (bằng tổng chi chia cho số học sinh tham gia) không vượt quá mức thu tối đa.
- Tổ chức họp cha mẹ học sinh theo đơn vị lớp để thông báo, phổ biến và thỏa thuận, thống nhất các nội dung sau:
 - + Báo cáo quy trình, kết quả thực hiện việc đề xuất dịch vụ dự kiến thực hiện trong năm học, dự kiến kế hoạch triển khai thực hiện (trong đó nêu rõ mục đích, hình thức, biện pháp triển khai, thời gian thực hiện, sản phẩm được thụ hưởng ...) của từng dịch vụ.
 - + Báo cáo cụ thể dự toán chi từng dịch vụ, thuyết minh, giải trình chi tiết từng nội dung chi, mức chi để cha mẹ học sinh có ý kiến thảo luận, thỏa thuận; nội dung chi, mức chi chỉ được xác định sau khi toàn thể cha mẹ thống nhất và không có ý kiến khác; mức thu được xác định sau khi đã thống nhất dự toán chi.

+ Lập danh sách học sinh tự nguyện tham gia dịch vụ theo đăng ký của cha mẹ học sinh (có ký xác nhận việc đăng ký tham gia).

+ Tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và Trường Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp, căn cứ kết quả họp cha mẹ học sinh của các lớp để thống nhất các khoản thu, kế hoạch triển khai thực hiện, dự toán chi và mức thu.

- Trình cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý phê duyệt khoản thu, mức thu thực hiện trong năm học; hồ sơ kèm theo Trình gồm: Biên bản các cuộc họp, Kế hoạch triển khai thực hiện, Dự toán chi và các hồ sơ, tài liệu liên quan khác.

- Công khai kết quả phê duyệt khoản thu, mức thu; tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch.

4. Nội dung cụ thể các khoản thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường

4.1. Dịch vụ phục vụ nước uống:

* Thời gian triển khai dịch vụ: Từ tháng 9/2024 đến hết tháng 5/2025 hoặc thời điểm kết thúc năm học 2024- 2025 (không quá 9 tháng/năm học).

* Đối tượng thụ hưởng dịch vụ: HS nhà trường có nhu cầu sử dụng nước uống tại trường.

* Dự kiến số lượng học sinh tham gia: Tổng số học sinh năm học 2024 - 2025 là 954 học sinh (trong đó 44 học sinh được tài trợ gồm: HS khuyết tật và học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, HCKK lập danh sách xin công ty nước sẽ tài trợ).

* Dự toán thu chi kinh phí.

Dự toán thu - chi tiền nước uống tinh khiết phục vụ học sinh được thể hiện chi tiết tại phụ lục số 2 (Đính kèm).

Nguồn thu - chi tiền nước uống học sinh được theo dõi trên sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn đầy đủ, cuối năm học có báo cáo công khai trước các bậc phụ huynh.

*Trên cơ sở mức chi trên, định mức thu tiền thu 01 học sinh là: 12.000đồng/tháng/HS. Thu tiền theo kỳ hoặc theo tháng.

4.2. Hoạt động trông giữ phương tiện tham gia giao thông (xe đạp)

- Số học sinh dự kiến đăng ký trông xe đạp: 186 học sinh

- Số tháng thu: Không quá 9 tháng/năm học.

- Dự toán thu - chi tiền trông giữ phương tiện tham gia giao thông được thể hiện chi tiết tại phụ lục số 2 (Đính kèm).

-Trên cơ sở mức chi trên, định mức thu tiền trông xe đạp là: 20.000đ/tháng.

4.3. Tiền điện điều hoà các lớp học:

Mỗi lớp lắp điều hoà có một công tơ riêng để theo dõi điện năng tiêu thụ của điều hoà từng lớp. Nhà trường sẽ tiến hành thu tiền điện theo mức tiêu thụ thực tế báo trên công tơ đo điện điều hoà tại các lớp do PHHS trang bị. Thực hiện chốt công tơ và thu tiền theo tháng với mức giá tiền áp dụng đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp của Điện lực thị xã Đông Triều.

IV. Công tác quản lý các khoản thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường:

- Hình thức thu, thời gian thu-chi:

+ Hình thức thu: Nhà trường thực hiện các khoản thu dịch vụ sau khi được sự thỏa thuận thống nhất của cha mẹ học sinh toàn trường mức thu và thời gian thu theo tháng với các khoản dịch vụ như: Thu theo kỳ với các dịch vụ: Trồng giữ phương tiện tham gia giao thông, Nước uống (Học kỳ I thu 4 tháng từ tháng 9-12/2024, học kỳ II thu 5 tháng từ tháng 01-5/2025).

+ Thời gian chi: Tiền công, chi phí quản lý hết tháng sau khi chốt số liệu xong thì thanh toán vào ngày mùng 10 đến ngày mùng 15 của tháng sau liền kề.

- Hạch toán và quyết toán thu chi: Mở sổ theo dõi, hạch toán thu - chi, quyết toán thu - chi theo quy định.

- Công khai tài chính các khoản thu (dự toán, quyết toán) theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục.

- Vận động cha mẹ học sinh, tham gia dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

V. Tổ chức thực hiện

1. Ban giám hiệu

- Thông báo công khai toàn bộ các nội dung thu - chi trong kế hoạch này tới toàn thể CB, GV, NV và toàn thể PHHS nhà trường để thảo luận, bàn bạc thống nhất để thực hiện.

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện thu - chi đối với CB, GV, NV nhà trường và PHHS các lớp theo đúng quy định.

- Thực hiện niêm yết công khai kế hoạch thu chi tại bảng tin nhà trường và đăng trên cổng TTĐT nhà trường.

- Tiếp nhận, giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của CB, GV, NV và PHHS (nếu có).

2. Giáo viên

*** Đối với giáo viên chủ nhiệm**

- Giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm tuyên truyền cho học sinh đăng ký học trên tinh thần tự nguyện.

- Thông báo công khai kế hoạch thu chi này đến toàn thể PHHS trong lớp để PHHS được bàn bạc, thảo luận và thống nhất khi triển khai thực hiện.

- Thực hiện nghiêm túc các nội dung thu, chi theo kế hoạch.

- Tiếp nhận, giải đáp các kiến nghị, thắc mắc của PHHS nếu có và phản ánh kịp thời về BGH cùng giải quyết.

*** Đối với giáo viên giảng dạy:**

Thực hiện đúng thời khóa biểu phân công, đảm bảo đầy đủ hồ sơ giáo án theo quy định.

3. Ban đại diện CMHS

Phối hợp với nhà trường để thực hiện tốt việc quản lý, giám sát thực hiện của nhà trường, các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại trường năm học 2024 - 2025.

4. Kế toán, thủ quỹ:

*** Kế toán:**

Kế toán mở sổ sách, chứng từ theo dõi toàn bộ các khoản thu - chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục và báo cáo quyết toán theo chế độ kế toán tài chính hiện hành.

Thực hiện viết hóa đơn điện tử các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục và quyết toán thuế theo quy định.

*** Thủ quỹ:**

- Lập danh sách thu các lớp quỹ trông giữ phương tiện tham gia giao thông, nước uống thu theo kỳ. Quản lý tiền mặt và chi trả tiền công, chi phí quản lý theo bảng kê chi tiết hàng tháng cho các đối tượng thực hiện nhiệm vụ như nội dung trong kế hoạch.

Trên đây là kế hoạch nội dung chi, mức chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục chăm sóc giáo dục năm học 2024 -2025 của trường Tiểu học Bình Khê./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CB-GV-NV (t/h);
- Ban đại diện CMHS (p/h và t/h);
- Lưu: VT.



Vũ Thị Phương Thảo

Phụ lục số 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG
Năm học 2024 - 2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông.
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 180 Học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		l	2	3	$4=2*3$	5	$6=4*5$	ll
	Tổng cộng	100%		180	20.000	3.600.000	9	32.400.000	
1	Chi trả tiền công cho người trông giữ xe	75%	Đồng	1	2.880.000	2.880.000	9	25.920.000	Trung tâm: 1.780.000đ Ninh Bình: 1.100.000đ
2	Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe	1%		1	33.300	33.300	10	333.000	
3	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)	11%	Tháng			396.000	9	3.564.000	
	- Thủ quỹ	1%	Tháng			36.000	9	324.000	
	- Kế toán	2%	Tháng			72.000	9	648.000	
	- Lãnh đạo phụ trách	8%	Tháng			288.000	9	2.592.000	
	+ Hiệu trưởng	4%	Tháng			144.000	9	1.296.000	
	+ Phó Hiệu trưởng	2%	Tháng			72.000	9	648.000	
	+ Phó Hiệu trưởng	2%	Tháng			72.000	9	648.000	
4	Hóa đơn dịch vụ	3%	kỳ	180	614,9	110.682	9	996.138	Tổng HS: 180 em= (180 tờ x 614,9đ/tờ) x 09 tháng = 996.138đ
	Thuế	10%				360.000	9	3.240.000	
	Cộng chi khác	25%				899.982		8.133.138	



II Dự toán thu

TT	Nội dung	Tỷ lệ %	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	100%	Đồng	3.600.000	
2	Tổng số học sinh tham gia			180	
	Số học sinh gửi xe đạp		HS	180	
	Số học sinh gửi xe máy		HS		
3	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe máy		Đồng		
4	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe đạp		Đồng	20.000	Làm tròn: 20.000đ

Ghi chú:

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Hoàng Tiến Dũng

Đại diện công đoàn nhà trường



Nguyễn Thúy Vân

Kế toán



Lê Thị Thanh Huyền

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Phương Thảo

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH
Năm học 2024 - 2025

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ nước uống
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 954 Học sinh
- Số học sinh miễn giảm: 44 học sinh
- Tổng số học sinh tham gia nộp tiền: 910 Học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	1	2	3	$4=2*3$	5	$6=4*5$	11
I.	Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống							
	<u>Đối với học 01 buổi/ngày</u>							
	- Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ buổi							
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ buổi							
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng							
	- Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng							
1	Mua nước uống							
2	Giá để nước							
3	Ca, cốc							
	<u>Tổng cộng</u>							



	<u>Đối với học 02 buổi/ngày</u>							Chỉ áp dụng với cấp tiểu học
	(Tương tự như cách tính trên)							
	- Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/2 buổi	Lít	0,45	910	410			
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ buổi	Lít	14	910	12.695			
	- Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng	Lít	307	910	279.279			
	- Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng	Lít	9.821	910	10.671.200			
1	Mua nước uống	Bình	517	20.000	10.337.700	9	93.039.300	
2	Ca, cốc	Cái	150	6.000	900.000		900.000	Tính cho cả năm học
3	Chi phục vụ cấp phát nước	Người	2	500.000	1.000.000	9	9.000.000	
	Tổng cộng				12.237.700		102.939.300	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	102.939.300	
2	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh	910	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/tháng (7=1/2/3)	Đồng	12.569	Làm tròn: 12.000đ

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Hoàng Tiến Dũng

Đại diện công đoàn nhà trường



Nguyễn Thúy Vân

Kế toán



Lê Thị Thanh Huyền

Thủ trưởng đơn vị



Vũ Thị Phương Thảo